TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý
Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **07** tháng **02** năm **2018,** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 366/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: **Chị Trần Thị T,** sinh năm 1972

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: xóm 3, thôn M, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Thế P,** sinh năm 1969;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : xóm 3, thôn M, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Hiện đang thi hành án tại Trại giam Thanh Lâm – tỉnh Thanh Hóa.

Chị Trần Thị T, Anh Nguyễn Thế P vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2017 về việc yêu cầu giải quyết "Không công nhận quan hệ vợ chồng" và tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ với Anh Nguyễn Thế P: Tháng 11 năm 1990 âm lịch, Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có

thẩm quyền. Sau khi tổ chức đám cưới Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P chung sống với nhau tại gia đình Anh Nguyễn Thế P. Trong thời gian chung sống, Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nay Chị Trần Thị T thấy không còn tình cảm với Anh Nguyễn Thế P nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và Anh Nguyễn Thế P là vợ chồng.

Về con chung: Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H (sinh ngày 20/8/1993–đã thành niên) và cháu Nguyễn Thế A (sinh ngày 14/5/2000). Chị Trần Thị T có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thế A, Chị Trần Thị T không yêu cầu Anh Nguyễn Thế P cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thế A cũng có nguyện vọng được chị Thu nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai bị đơn – Anh Nguyễn Thế P trình bày:***

Về quan hệ với Chị Trần Thị T: Anh Nguyễn Thế P thừa nhận toàn bộ lời khai của Chị Trần Thị T về việc Anh Nguyễn Thế P và Chị Trần Thị T chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nay Chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố anh và Chị Trần Thị T không phải là vợ chồng anh P đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Thế P thừa nhận anh P và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H (sinh ngày 20/8/1993 – đã thành niên) và cháu Nguyễn Thế A (sinh ngày 14/5/2000). Chị Trần Thị T có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thế A anh P đồng ý để chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Thế P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P không phải là vợ chồng; Về con chung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cháu Nguyễn Thế A sinh ngày 14/5/2000 cho Chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Thế A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Anh Nguyễn Thế P; Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Không giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:* Anh Nguyễn Thế P hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm – tỉnh Thanh Hóa nhưng Anh Nguyễn Thế P có hộ khẩu thường trú, trước khi đi thi hành án anh P thường xuyên cư trú tại xóm 3, thôn M, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Anh Nguyễn Thế P cũng không có ý kiến gì về việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết vụ án nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Về sự vắng mặt của Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P: Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt Chị Trần Thị T, Anh Nguyễn Thế P.

** Về nội dung vụ án:*

Về quan hệ chung sống: Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 11 năm 1990 (âm lịch) nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ và Thông tư số 07/2001/TT-BTP ngày 10/12/2001 của Bộ Tư pháp. Sau khi tổ chức đám cưới Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P chung sống với nhau ở nhà Anh Nguyễn Thế P.

Xét quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng giữa Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P từ tháng 11 năm 1990 đến năm 2017 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình thì không công nhận quan hệ giữa Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P đều xác nhận giữa chị T và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H (sinh ngày 20/8/1993 – đã thành niên) và cháu Nguyễn Thế A (sinh ngày 14/5/2000). Hiện cháu Nguyễn Thị H đã thành niên, không bị khuyết tật, có thể tự chăm sóc bản thân và các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Cháu Nguyễn Thế A chưa đủ 18 tuổi, Chị Trần Thị T có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thế A, Anh Nguyễn Thế P cũng đồng ý để chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thế A, cháu Nguyễn Thế A cũng có nguyện vọng được ở với chị T nên cần giao cháu Nguyễn Thế A cho Chị Trần Thị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị T không yêu cầu Anh Nguyễn Thế P cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận sự tự nguyện của Chị Trần Thị T về việc không yêu cầu Anh Nguyễn Thế P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Thế P và Chị Trần Thị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Tuyên bố Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thế A sinh ngày 14/5/2000 cho Chị Trần Thị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Thế A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh Nguyễn Thế P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Anh Nguyễn Thế P cho đến khi có quyết định khác.

3. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí Chị Trần Thị T đã nộp *(theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003101 ngày 09 tháng 11 năm 2017)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Trần Thị T và Anh Nguyễn Thế P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*